

Số: 02/2020/QĐST-VDS

Thủy Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha cho con

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Sự.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 488/2020/TLST-VDS, ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc: “ Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2020/QĐST-VDS, ngày 23 tháng 7 năm 2002 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Trần Hữu T; địa chỉ: Thôn CĐ, xã AL, huyện TN thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lương Văn V; địa chỉ: Thôn SP, xã AL, huyện TN thành phố Hải Phòng, có mặt.

Bà Trần Thị M; địa chỉ: Thôn CĐ, xã AL, huyện TN thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên anh Trần Hữu T (người có đơn yêu cầu) trình bày:

Mẹ đẻ anh là bà Trần Thị M và bố đẻ anh là Lương V, bố mẹ anh kết hôn với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bố mẹ anh sinh được 03 người con tên Lương Thị M, sinh năm 1993; Lương Thị Th, sinh năm 1996 và anh Trần Hữu T, sinh năm 2000. Chị Lương Thị M và chị Lương Thị Th khai sinh được theo họ bố là họ Lương nhưng khi khai sinh anh năm

2000, chính quyền xã yêu cầu bố mẹ anh phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn nhưng do không đăng ký kết hôn nên khai sinh phải theo họ mẹ và lấy tên là Trần Hữu T. Nay anh muốn làm lại giấy khai sinh theo đúng họ của bố đẻ nên đề nghị Tòa án xác định ông Lương V là cha của anh. Do ông Lương V đã chết năm 2006 nên đề nghị Tòa án tiến hành giám định ADN của anh và ông Lương Văn V là em ruột của ông Lương V làm căn cứ giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn V trình bày: Ông là em ruột của Lương V, ông Vê kết hôn cùng bà Trần Thị M vào năm 1992, vợ chồng sinh được 03 con chung tên Lương Thị Mến, sinh năm 1993; Lương Thị Thắm, sinh năm 1996 và anh Trần Hữu T, sinh năm 2000. Nay, anh Tính đề nghị xác định ông Lương V là cha đẻ để làm lại giấy khai sinh theo đúng họ của cha đẻ. Do ông Lương V đã chết năm 2006 nên anh Tính đề nghị lấy mẫu ADN của ông và anh Tính để xác định. Ông đồng ý và đề nghị Tòa án xác định ông Lương V là cha của anh Trần Hữu T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M vắng mặt, song đã có lời khai tại Tòa án, bà Mơ trình bày: bà và ông Lương V kết hôn với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Lương Thị Mến, sinh năm 1993, Lương Thị Thắm, sinh năm 1996 và Trần Hữu T, sinh năm 2000. Khi đi khai sinh cho con tên Tính thì chính quyền xã yêu cầu phải xuất trình giấy đăng ký kết hôn của bà và ông Vê, do không đăng ký kết hôn nên không xuất trình được. Vì vậy, con phải lấy họ mẹ và đặt tên là Trần Hữu T. Nay do yêu cầu của gia đình và con cũng đã trưởng thành nên phải làm lại giấy khai sinh theo đúng họ tên cha đẻ. Vì vậy, đề nghị Tòa án xác định ông Lương V là cha đẻ của anh Trần Hữu T.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết việc dân sự như sau: Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên họp giải quyết việc dân sự và đề nghị Tòa án căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 147; Điều 361, Điều 363, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 88, Điều 89 và Điều 90 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chấp nhận đơn yêu cầu của anh Trần Hữu T: Xác định ông Lương V, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn CĐ, xã AL, huyện TNthành phố Hải Phòng (đã chết năm 2006) là cha của anh Trần Hữu T, sinh ngày 25/01/2000 theo Giấy khai sinh số 14/2015, quyển số 01/2015 ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã AL, huyện TNthành phố Hải Phòng; Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Hữu T phải nộp lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà Trần Thị M.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Đây là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con được quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu xác định cha cho con là anh Trần Hữu T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn CĐ, xã AL, huyện TN thành phố Hải Phòng yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về nội dung yêu cầu giải quyết:

Xét, anh Trần Hữu T yêu cầu xác định ông Lương V, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn CĐ, xã AL, huyện TN thành phố Hải Phòng (đã chết năm 2006) là cha đẻ, ông Lương V có em ruột là ông Lương Văn V, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn SP, xã AL, huyện TN thành phố Hải Phòng.

Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Tại văn bản số 11/2020 CV-LOCI ADN ngày 16/7/2020 của Công ty TNHH LOCI ADN xác định: Theo Quyết định trưng cầu giám định số 07/2020/QĐ-TCGD của Tòa án nhân dân huyện TN trưng cầu Công ty TNHH LOCI ADN thực hiện giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống chú – cháu trai giữa: ông Lương Văn V và anh Trần Hữu T. Tại Kết quả xét nghiệm ADN ngày 09/7/2020 của Trung tâm xét nghiệm LOCI ADN kết luận: Người có mẫu ADN ký hiệu Lương Văn V và người có mẫu ADN ký hiệu Trần Hữu T có cùng quan hệ huyết thống Chú – Cháu trai theo dòng cha. Như vậy, anh Trần Hữu T và ông Lương Văn V cũng có quan hệ huyết thống Cha – Con. Đây là những tình tiết sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận, vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 361, Điều 363, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 88, Điều 89 và Điều 90 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu của anh Trần Hữu T.

[4]. Về lệ phí: Anh Trần Hữu T phải nộp lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 93; Điều 361; Điều 363; Điều 366; Điều 367; Điều 369; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 88, Điều 89 và Điều 90 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Ông Lương V, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn CĐ, xã AL, huyện TNthành phố Hải Phòng là cha đẻ của anh Trần Hữu T, sinh ngày 25/01/2000 theo Giấy khai sinh số 14/2015, quyển số 01/2015 ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã AL, huyện TNthành phố Hải Phòng.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Hữu T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002111 ngày 08/7/2010 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TNthành phố Hải Phòng. Anh Trần Hữu T đã nộp đủ.

- Quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

- Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h. Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS h. Thủy Nguyên;
- UBND xã AL, huyện TNthành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Sự

